

Bản án số: 02/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12/10/2017
Về tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa: Ông Sơn Nhựt Nhân, kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 355/2017/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2017, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thủy T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Ngô Tuấn N, sinh năm 1982 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2017, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thủy T trình bày: Vào ngày 15/11/2005, chị và anh N xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh T. Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Ngô Huỳnh G, sinh ngày 31/5/2006, Ngô Huỳnh C, sinh ngày 19/6/2015, hiện hai con đang sống với chị T.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh N không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không còn tình cảm với nhau và chị T đã sống ly thân với anh N từ tháng 02/2017 cho đến nay.

Nay, chị Huỳnh Thủy T yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Ngô Tuấn N.

Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Ngô Huỳnh G và Ngô Huỳnh C, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ngô Tuấn N được Tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do, nên không có bản tự khai tại hồ sơ vụ án.

*Ý kiến của kiểm sát viên:

-Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến trước khi nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thủy T được ly hôn với anh Ngô Tuấn N.

+ Về con chung: Giao các cháu Ngô Huỳnh G và Ngô Huỳnh C cho chị Huỳnh Thủy T nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu.

+ Về tài sản, nợ chung: chị T khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do chị Huỳnh Thủy T có mặt và anh Ngô Tuấn N vắng mặt không có lý do, nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thủy T và anh Ngô Tuấn N xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Sau kết hôn, vợ chồng sống với nhau có 02 con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, hạnh phúc của anh chị không bền vững là do anh N không có trách nhiệm chăm lo cho hạnh phúc gia đình, cuộc sống luôn có mâu thuẫn, bất hòa, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt không còn hạnh phúc nên hai người sống ly thân với nhau từ tháng 02/2017 cho đến nay.

Nay, chị T thấy tình cảm giữa chị với anh N không còn và xin được ly hôn với anh N.

Xét thấy tình nghĩa vợ chồng của chị T và anh N thiếu tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống vợ chồng, mục đích hôn

nhân không đạt được, từ đó có cơ sở chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]*Về con chung tên:* Ngô Huỳnh G, sinh ngày 31/5/2006 và Ngô Huỳnh C, sinh năm 19/6/2015 đang được chị T nuôi dưỡng, nên giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

[4]*Về tài sản chung, nợ chung:* Không có nên không xem xét.

[5]*Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 227, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thủy T;

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thủy T được ly hôn với anh Ngô Tuấn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Huỳnh G, sinh ngày 31/5/2006 và cháu Ngô Huỳnh C, sinh ngày 19/6/2015 cho chị Huỳnh Thủy T nuôi dưỡng, anh Ngô Tuấn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thủy T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0011509 ngày 12/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, nên chị T không phải nộp nữa.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiểu Cần ;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Long